

CÁC CHÍNH SÁCH NHẪM TĂNG CƯỜNG NGUỒN LỰC VÀ PHƯƠNG TIỆN CHO HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM

ĐỖ THỊ MINH
THUÝ

Tóm tắt

Chính sách văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển văn hóa, trong đó, nhóm chính sách đầu tư và nhóm chính sách tăng nguồn lực là những chính sách đòn bẩy.

Nhóm chính sách đầu tư cho các phương tiện văn hóa gồm: đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, phát triển các ngành nghệ thuật, công nghiệp văn hóa.

Nhóm chính sách tăng nguồn lực cho hoạt động văn hóa gồm: đầu tư trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực, chuyên gia văn hóa, thúc đẩy nghiên cứu văn hóa, xã hội hóa văn hóa và hợp tác quốc tế.

Hiệu quả những chính sách này là đem lại cho người dân quyền tham gia tích cực vào hoạt động văn hóa xã hội, quyền tự do sáng tạo và quyền hưởng thụ văn hóa đa dạng, phong phú.

Ý thức về vai trò của văn hoá trong phát triển toàn diện, nhà nước Việt Nam đã, đang thực hiện đường lối phát triển văn hoá tiên bộ vì dân, do dân với đặc điểm lớn sau:

Thứ nhất, văn hoá là một bộ phận quan trọng trong hoạch định phát triển kinh tế – xã hội của nhà nước Việt Nam. Văn hoá được coi là một chỉ báo về chất lượng sống của con người và là tiêu chí cần phải đạt tới trong mọi lĩnh vực cuộc sống theo phương châm “Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội”(1).

Thứ hai, Việt Nam mở rộng giao lưu hợp tác với các nước trên thế giới. Thông qua đó, nền văn hoá Việt Nam có thể phát triển mạnh mẽ dựa

trên nền tảng văn hoá truyền thống dân tộc kết hợp với sự tiếp nhận các giá trị văn hoá tiến bộ của nhân loại.

Thứ ba, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, văn hoá các dân tộc trên đất nước Việt Nam được tôn trọng và phát triển. Sự phát triển của văn hoá các dân tộc tạo nên nền văn hoá Việt Nam thống nhất và đa dạng.

Dựa theo chỉ số phát triển HDI, đối chiếu các quan điểm về văn hoá của UNESCO kể từ 1998 qua các văn kiện (Thập kỷ thế giới phát triển văn hoá (1988 – 1997); Kế hoạch hành động về chính sách văn hoá vì sự phát triển (tại Hội nghị liên chính phủ về chính sách văn hoá vì sự phát triển (Stôckhôn – 1998); Công ước UNESCO về bảo tồn và phát huy đa dạng văn hoá được thông qua 2006), cho thấy đường lối phát triển văn hoá Việt Nam đã tiếp cận được các quan điểm tiến bộ trong phát triển văn hoá của thế giới.

Để thực hiện đường lối phát triển văn hoá của mình trong những năm qua, nhà nước Việt Nam đã ban hành một cách hệ thống các chính sách hướng tới phát triển các lĩnh vực văn hoá cụ thể. Nhóm chính sách *Tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá* trở thành các chính sách đòn bẩy thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với đời sống văn hoá của người dân, đảm bảo cho người dân quyền hưởng thụ văn hoá tốt nhất trong điều kiện cho phép.

Sau đây chúng tôi lần lượt đề cập đến một số chính sách cụ thể:

1. Các chính sách đầu tư cho các phương tiện văn hoá ở Việt Nam

Từ 1998 đến nay, việc xây dựng chính sách đầu tư văn hoá ở Việt Nam được triển khai theo quan điểm “Tăng mức đầu tư cho văn hoá từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách Nhà nước. Tỷ trọng chi ngân sách cho văn hoá phải tăng tương ứng nhịp độ tăng trưởng kinh tế”(1). Nguồn ngân sách chi cho văn hoá đã tăng đáng kể theo đà tăng trưởng kinh tế, kinh phí cho sự nghiệp văn hoá đạt ít nhất 1,8% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm. Ngoài nguồn ngân sách từ Trung ương, các địa phương đều có nguồn ngân sách cho văn hoá. Kinh phí đầu tư cho văn hoá được nhà nước triển khai hàng năm theo các chương trình mục tiêu cấp Quốc gia bao gồm các lĩnh vực phát triển văn hoá cơ sở, bảo tồn tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc, phát triển các ngành công nghiệp văn hoá như điện ảnh, du lịch. Chính sách nhà nước đầu tư cho các phương tiện văn hoá theo 2 hướng:

- Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá, các công trình văn hoá, nhà văn hoá, thư viện.

- Đầu tư phát triển các ngành nghệ thuật, ngành công nghiệp văn hoá.

1.1. Chính sách đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá

Trước hết là chính sách đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá phục vụ cộng đồng, mang lại lợi ích thiết thực, phục vụ trực tiếp cho người dân: sửa chữa, xây mới hệ thống các nhà văn hoá cấp huyện, với phương châm nâng cao chất lượng sinh hoạt văn hoá cộng đồng, dành ưu tiên cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tùy theo mỗi vùng, miền, mỗi tộc người cũng như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán mà mỗi sinh hoạt văn hoá cộng đồng được nhà nước đầu tư khác nhau: với người Khơmer theo Phật giáo Tiểu thừa, chùa là nơi thực hành tôn giáo còn là nơi sinh hoạt văn hoá cộng đồng nên nhà nước và chính quyền địa phương đầu tư kinh phí cho xây, sửa chùa; với người Chăm ở Bình Thuận, Ninh Thuận, Nhà nước đã đầu tư kinh phí xây, sửa nhà làng; năm 2000, Nhà nước triển khai dự án đầu tư sửa chữa, làm mới nhà Rông cho các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên góp phần duy trì tập quán sinh hoạt văn hoá truyền thống của đồng bào; đối với vùng nông thôn trải dài từ Bắc tới Nam là việc triển khai xây dựng điểm bưu điện - văn hoá xã.

Đến năm 2007 tổng số cơ sở văn hoá thông tin trong cả nước là 6.527 cơ sở, trong đó nhà văn hoá cấp huyện, cấp xã có 5.749 cơ sở. Hệ thống thư viện trong cả nước (gồm thư viện, phòng đọc sách, tủ sách) là 16.546 đơn vị, trong đó số phòng đọc sách cơ sở (xã, phường, thị trấn, làng, thôn, bản) có tới 14.333 đơn vị.

Đầu tư phát triển văn hoá trải theo diện rộng được triển khai song song với đầu tư phát triển văn hoá theo trọng điểm. Trong những năm qua, Nhà nước đã, đang đầu tư xây dựng nâng cấp các công trình văn hoá tiêu biểu như: Thư viện Quốc gia, Trung tâm chiếu phim Quốc gia, Nhà hát lớn Hà Nội, Trung tâm Hội chợ triển lãm Giảng Võ, Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

Chính sách đầu tư cho các thiết chế văn hoá đương đại từ cấp cơ sở đến cấp Quốc gia đi liền với chính sách đầu tư cho việc bảo tồn di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. Nhà nước đã quan tâm đầu tư một cách thích đáng, cho trùng tu và xây dựng cơ sở hạ tầng tại các di sản văn hoá: Kinh đô Huế, khu phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, động Phong Nha Kẻ Bàng,

vịnh Hạ Long. Lập hồ sơ di sản văn hóa trình UNESCO công nhận như “không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, Nhã nhạc cung đình Huế, Hát ca trù...

1.2. Các chính sách ưu tiên phát triển nghệ thuật và các ngành công nghiệp văn hóa

Nhà nước với chính sách đầu tư bảo tồn các di sản văn hoá thực sự là bả đỡ cho ngành công nghiệp không khói – du lịch - ra đời và phát triển mạnh mẽ trong những năm qua. Việt Nam đã có 592 doanh nghiệp lữ hành quốc tế thu hút 4.229.349 khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2007.

Ngành công nghiệp điện ảnh Việt Nam còn rất non trẻ, trong những năm qua đã có bước phát triển vượt bậc, có tới 53 hãng phim, số phim được sản xuất trong năm 2007 là 87 bộ. Để khuyến khích sáng tạo trong lĩnh vực điện ảnh, Nhà nước đã có chính sách tài trợ đặt hàng, cho phép các công ty chiếu bóng được để lại thuế thu sử dụng vốn, khấu hao tài sản cố định để duy tu, sửa chữa thường xuyên các rạp chiếu phim.

Ngành xuất bản, in cũng là ngành công nghiệp được Nhà nước dành nhiều ưu đãi qua tài trợ đặt hàng, trợ cước vận chuyển sách báo đi vùng sâu vùng xa. Nguồn tài chính dành cho trợ giá cước trong lĩnh vực văn hoá năm 2007 lên tới hơn 23 tỷ đồng.

Nghệ thuật biểu diễn: Cả nước, đến thời điểm 2007 có 132 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, hầu hết hoạt động bởi ngân sách nhà nước. Sự tài trợ của Nhà nước cho các đoàn nghệ thuật được duy trì, trao truyền di sản nghệ thuật dân tộc như tuồng, chèo, cải lương.

Trong hoàn cảnh kinh tế của một nước đang phát triển, sự đầu tư toàn diện đối với hoạt động văn hoá đã khẳng định những nỗ lực không mệt mỏi của Nhà nước Việt Nam đảm bảo quyền hưởng thụ văn hoá của người dân.

2. Các chính sách tăng nguồn lực cho hoạt động văn hoá

Các chính sách tăng nguồn lực cho hoạt động văn hoá của nhà nước Việt Nam được phát triển theo quan điểm “thể chế văn hoá mới khuyến khích nhân dân lao động tham gia sự nghiệp xây dựng văn hoá trên cả hai mặt sáng tạo và hưởng thụ; giúp đội ngũ văn nghệ sĩ chuyên nghiệp làm tốt vai trò nòng cốt trong việc sáng tạo các giá trị văn hoá mới, tạo điều kiện

thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới”(1).

2.1. Ưu tiên phát triển nguồn lực hoạt động văn hoá

Trong lĩnh vực đào tạo nhân lực, chuyên gia văn hoá, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch quản lý trực tiếp một mạng lưới các Trường, Viện văn hoá nghệ thuật thuộc các hệ đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp... Sự nghiệp phát triển các trường đã được Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập. Năm 2007 các trường đào tạo được xấp xỉ 29000 học sinh, sinh viên, đây là nguồn nhân lực trực tiếp tham gia sự nghiệp phát triển văn hoá ở Việt Nam.

Công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hoá được Nhà nước quan tâm đầu tư và triển khai có hiệu quả. Nhiều dự án nghiên cứu sưu tầm bảo tồn văn hoá truyền thống như “Hồ sơ không gian công chiêm Tây Nguyên”, “Hát ca trù”, “Hát Quan họ” đã triển khai thành công.

Các hội văn hoá nghệ thuật tỉnh, thành phố hàng năm được Nhà nước hỗ trợ hàng chục tỷ đồng cho hoạt động sáng tạo văn hoá nghệ thuật, báo chí. Các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá và hỗ trợ hoạt động sáng tạo các công trình nghệ thuật của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 170/2003/QĐ-TTg, Quyết định 151/QĐ-TTg) cho phép các doanh nghiệp đặc thù của ngành Văn hoá Thể thao – Du lịch được hưởng mức thuế ưu đãi trong hoạt động kinh doanh (thuế vốn, thuế đất, khấu hao cơ bản).

Cơ cấu bộ máy ngành Văn hoá được củng cố về mặt tổ chức, đội ngũ cán bộ văn hoá từ Trung ương đến cơ sở được tăng cường đào tạo bồi dưỡng trình độ chính trị, quản lý chuyên môn, nghiệp vụ. Các đơn vị sự nghiệp được trao quyền tự chủ về kinh tế theo tinh thần Nghị định số 10/2002/NĐ “về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu” nhằm tiết kiệm chi phí, tái đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ, nâng cao hiệu quả và cải thiện đời sống người lao động.

Năm 2007, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch xây dựng phương án giải quyết chính sách tiền lương và chế độ đối với văn nghệ sĩ đã hết tuổi nghề nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu, phương án về đào tạo cán bộ giảng dạy bậc cao và văn nghệ sĩ đầu đàn.

2.2. Các chính sách xã hội hoá văn hoá và hợp tác quốc tế

Đây là hai lĩnh vực quan trọng trong chính sách tăng cường nguồn lực của Nhà nước Việt Nam. Chính sách xã hội hoá hoạt động văn hoá đánh dấu bước phát triển về quản lý trên lĩnh vực văn hóa của Nhà nước nhằm chuyển giao quyền tổ chức điều hành các hoạt động văn hoá vốn tập trung trong tay Nhà nước sang hướng đa dạng hoá chủ thể quản lý. Việc thực hiện chính sách xã hội hoá hoạt động văn hóa trong thời gian qua đã huy động được mọi nguồn lực trong xã hội đứng ra chăm lo các hoạt động văn hoá, tổ chức và điều hành quá trình sản xuất văn hoá theo đúng pháp luật của Nhà nước.

Nghị định 73/CP về xã hội hoá hoạt động văn hoá và Nghị định 10/CP của Chính phủ đã đánh dấu bước phát triển trong chính sách phát triển văn hoá của Nhà nước Việt Nam, chính sách xã hội hoá đã huy động được nhiều nguồn lực to lớn và đa dạng cho sự nghiệp văn hoá. Biểu đồ của chính sách xã hội hoá văn hoá là tiến trình cổ phần hoá các doanh nghiệp kinh doanh sản xuất văn hoá phẩm của nhà nước (ngoài một số đơn vị sản xuất kinh doanh những sản phẩm văn hoá đặc thù nhà nước tiếp tục quản lý). Cổ phần hoá đã phát huy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này. Bên cạnh đó là sự xuất hiện của các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp của các ngành đoàn thể, tổ chức xã hội hoạt động văn hoá dưới các hình thức: bán công, dân lập, tư nhân. Xã hội hoá hoạt động văn hoá đã thúc đẩy nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực vui chơi giải trí. Các mô hình xã hội hoá xây dựng đời sống văn hoá cơ sở không vì mục đích sinh lợi được mở rộng đã góp thêm nhiều nguồn lực để phát triển sự nghiệp văn hoá. Một khía cạnh khác của xã hội hoá hoạt động văn hoá là sự đóng góp kinh phí của các tổ chức cá nhân vào xây dựng các công trình văn hoá và bảo tồn các di sản văn hoá. Như trên đã trình bày, mặc dù nhà nước hàng năm đầu tư kinh phí đáng kể, nhưng nguồn kinh phí đó chỉ đáp ứng một phần và cũng chỉ tập trung vào những công trình văn hoá trọng điểm ở Trung ương và ở cơ sở thì chỉ đến xã phường. Việc tôn tạo, xây dựng các công trình văn hoá như nhà văn hoá thôn, xóm (hoặc cụm dân cư), đình đền miếu chưa được Nhà nước xếp hạng thì hầu hết kinh phí là sự đóng góp của các tổ chức, các nhà hảo tâm và sự đóng góp công sức trực tiếp của người dân địa phương. Người dân trực tiếp tham gia xây dựng thiết chế văn hoá, cũng đồng thời là người bảo vệ, duy trì hoạt động của các thiết chế đó. Chính sách xã hội hoá văn hoá đã tăng cường vai trò trách nhiệm văn hoá của cá nhân và cộng đồng đảm bảo mức hưởng thụ văn hoá ngày càng cao của người dân, đồng thời tạo điều kiện cho người dân tham gia sáng tạo các giá trị văn hoá.

Chính sách hợp tác quốc tế trên lĩnh vực văn hoá được thể hiện khá đa dạng với nhiều hình thức phong phú. Trước hết là việc xây dựng và thực hiện các dự án bảo tồn tôn tạo các di sản văn hoá vật thể khu di tích Hoàng thành Thăng Long, Thánh địa Mỹ Sơn, khu phố cổ Hội An, hoặc bảo tồn văn hoá phi vật thể như Ca trù, Nhã nhạc cung đình Huế với các quốc gia Nhật Bản, Ba Lan, Thụy Điển, Pháp. Đối với một số ngành văn hoá đặc thù nhà nước có chính sách cho phép thuê chuyên gia nước ngoài.

Nhà nước đã giành một tỉ trọng kinh phí thích hợp trong trao đổi văn hoá, đưa các đoàn nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài và đón các đoàn nghệ thuật nước ngoài vào Việt Nam. Trong năm 2007 đã có 407 các đoàn Việt Nam ra nước ngoài giao lưu biểu diễn nghệ thuật, điện ảnh và các hoạt động khác, và đã có 175 đoàn nước ngoài vào Việt Nam.

Các hoạt động xuất nhập khẩu văn hoá phẩm góp phần tăng cường trao đổi hiểu biết về văn hoá giữa các quốc gia dân tộc. Năm 2007 Việt Nam xuất 45.808 đơn vị văn hoá phẩm trong khi đó nhập 5.800.122 đơn vị văn hoá phẩm.

Sự nghiệp phát triển văn hoá của Việt Nam trong những năm qua cho thấy chính sách phát triển văn hoá của Nhà nước Việt Nam đã gặt hái được những thành tựu nhất định, đời sống văn hoá xã hội có những bước chuyển rõ rệt. Hiệu quả của hệ thống chính sách tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá là đã đem lại cho người dân quyền tham gia tích cực vào đời sống văn hóa xã hội, quyền tự do sáng tạo và quyền hưởng thụ văn hóa đa dạng, phong phú.

Trong bối cảnh hiện nay, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại quốc tế thì việc điều chỉnh các chính sách phát triển văn hóa đảm bảo vừa phù hợp với các cam kết quốc tế, vừa bảo vệ bản sắc văn hóa riêng đã và đang là một vấn đề lớn đặt ra trong hoạch định chính sách phát triển văn hóa của Việt Nam. Tuy nhiên mục tiêu phát triển văn hóa vì đất nước vì nhân dân vẫn luôn là phương châm trong việc hoạch định chính sách này.

Đ.T.M.T

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998, Tr 78, 45.

2. *Kỷ yếu hội nghị triển khai công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2008*, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Hà Nội, 1- 2008.